

## VẤN ĐỀ CHẾ ĐỘ NÔ LỆ VÀ CHẾ ĐỘ LỆ NÔNG TRONG LỊCH SỬ ĐẾ QUỐC ROME

Lê Vũ Trường Giang

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: lvtgiang@husc.edu.vn

*Ngày nhận bài: 14/6/2022; ngày hoàn thành phản biện: 16/6/2022; ngày duyệt đăng: 22/6/2022*

### TÓM TẮT

Chế độ nô lệ của Rome đi đến sự phát triển đỉnh cao vào thế kỷ I, ảnh hưởng to lớn đến kinh tế, xã hội và có những biến chuyển sâu sắc theo điều kiện lịch sử. Tiếp theo, sự phát triển của Latifundia, những vấn đề về ruộng đất được tìm hiểu, nhìn nhận cho thấy phần nào sức phát triển của nền kinh tế Rome trên lĩnh vực nông nghiệp vào các thế kỷ II, III. Từ đó, chế độ lệ nông được thiết lập cho thấy sự biến đổi về mặt xã hội so với các thời kỳ trước đó. Đây cũng là điểm đặc biệt của nền sản xuất mang hình thái chiếm hữu nô lệ của Rome so với các nền văn minh đồng đại khác mà chúng tôi tập trung nghiên cứu trong bài viết này.

**Từ khóa:** Chế độ nô lệ, chế độ lệ nông, Đế quốc Rome, Latifundia.

### 1. CÁC VẤN ĐỀ VỀ CHẾ ĐỘ NÔ LỆ CỦA ĐẾ QUỐC ROME

Chế độ nô lệ nói chung đóng một vai trò quan trọng trong xã hội và nền kinh tế của Đế quốc. Họ là lực lượng lao động chân tay chủ yếu, phục vụ quý tộc, chủ nô.

Trong thời kỳ lịch sử chúng tôi nghiên cứu, Rome vẫn nằm trong một hình thái xã hội chiếm hữu nô lệ, không khác với thời Cộng hòa về mặt nội dung. Dưới thời Pax Romana, Nguyên lão nghị viện, các chấp chính quan tối cao, các pháp quan, thống đốc tỉnh được chọn từ những thành viên toàn là những người giàu có, quý tộc. Họ đều sở hữu nô lệ và là những chủ nô quyền lực.

Theo cách hiểu chung, nhà nước là một bộ máy để cho giai cấp này áp bức giai cấp khác. Bộ máy của Rome cũng dùng để duy trì dưới sự thống trị của một giai cấp có đặc quyền đặc lợi (chủ nô) để cai trị tất cả các giai cấp bị lệ thuộc khác (nô lệ, bình dân). Rome còn mở rộng áp bức ra bên ngoài với sự cai trị với các dân tộc khác, đã bao gồm giai cấp bị trị có chung số phận lệ thuộc như thế. Bộ máy đó trong một nhà nước chủ nô thời này là chính thể quân chủ hùng mạnh, khoác một chiếc áo Cộng hòa giả danh nhưng vẫn duy trì kiểu bóc lột của xã hội chiếm hữu nô lệ.

Dưới chính thể quân chủ chủ nô, tất cả các quyền đều thuộc về chủ nô. Nền quân chủ được củng cố với sự ổn định của bộ máy nhà nước. Các hoàng đế luôn được chủ nô ở các tỉnh tôn sùng và ngược lại, giới chủ nô này ngày càng có địa vị chính trị trong bộ máy nhà nước. Chính quyền thật sự thành công cụ thống trị chung của giai cấp chủ nô toàn đế quốc. Còn nô lệ thì chỉ là đồ vật dưới con mắt pháp luật vì tất cả mọi thứ bạo lực đều có thể dùng đối với nô lệ, ngay cả giết một người nô lệ cũng không coi là phạm tội. Nô lệ là nguồn sống của Rome, nguồn lao động chính và thỏa mãn sự giàu có, quyền lực của chủ nô. Hoàng đế không tách nô lệ ra khỏi đời sống của Rome, tuy nhiên đã có nhiều chính sách thay đổi. Nô lệ vẫn tồn tại, vẫn thiết thực dưới chế độ quân chủ, để phục vụ và phục tùng.

Theo một ước tính tương đối, riêng vùng Italia có khoảng từ 2-3 triệu nô lệ vào cuối thế kỷ I trước Công nguyên, chiếm khoảng 35% đến 40% tổng dân số Italia [11; tr.170]. Về tổng thể, 49% nô lệ thuộc sở hữu của giới thượng lưu, những người chiếm chưa đến 1,5% dân số của đế chế. Khoảng một nửa số nô lệ làm việc ở vùng nông thôn, nông nghiệp; khoảng 25% nô lệ ở các thị trấn và thành thị làm việc trong các ngành thủ công nghiệp, dịch vụ công cộng [8; tr.58-60].

Nô lệ là những con người có lai lịch là các dân tộc khắp châu Âu và Địa Trung Hải. Dường như Rome không đặt nặng về vấn đề chủng tộc, vì trong các cuộc chiến tranh và sự chiến thắng đã mang cơ hội cho họ chiếm lấy nô lệ không phân biệt nguồn gốc dân tộc nào. Trong Đế quốc, nô lệ được bán đấu giá công khai. Giao dịch nô lệ được giám sát bởi các quan chức tài chính được gọi là quaestors. Trong giai đoạn đầu của sơ kỳ Đế chế, Augustus đã áp thuế 2% đối với việc bán nô lệ, ước tính tạo ra doanh thu hàng năm khoảng 5 triệu sesterces. Thuế được tăng lên 4% vào năm 43 [9; tr.721-722]. Điều này mang lại cho nhà nước nguồn thu đáng kể. Các chợ nô lệ dường như đã tồn tại ở khắp các thành thị của Đế chế và một trong các trung tâm lớn ngoài Rome là thành Ephesus, vùng đất ngày nay thuộc Thổ Nhĩ Kỳ. Tuy nhiên, Rome phải đối mặt với tình trạng thiếu nô lệ khi các cuộc chiến tranh ít được tiến hành. Và để duy trì một lực lượng lao động nô lệ, các điều luật khắt khe về giải phóng nô lệ đã được ban hành. Những nô lệ trốn thoát sẽ bị săn lùng và trả lại.

Có hai loại nô lệ chính: công cộng và tư nhân. Nô lệ công cộng (*servi publici*) thuộc sở hữu của nhà nước. Họ làm việc trong các dự án xây dựng công cộng, phục dịch cho một quan chức, làm việc trong các mỏ. Nô lệ tư nhân (*servi privateati*) thuộc sở hữu của một cá nhân. Họ làm những công việc như người giúp việc gia đình, người lao động trong các trang trại và thợ thủ công.

Nô lệ bắt buộc phải làm việc trong nhiều ngành nghề, có thể được chia thành 5 nhóm: phục vụ trong hộ gia đình, phục vụ hoàng gia hoặc những điểm công cộng, phục vụ trong thủ công nghiệp và dịch vụ tại các thành thị, làm việc trong nông nghiệp và khai thác mỏ [6; tr.323]. Trong đó, đáng chú ý nhất là các nô lệ công cộng

làm việc trong các đền thờ và các tòa nhà công cộng. Họ là những người phục vụ cho các quan chức. Một số nô lệ công cộng có trình độ học vấn có thể làm công việc văn phòng như kế toán, thư ký. Trong các nô lệ, một số người có nguồn gốc là dân Hy Lạp, có trình độ cao nhất và thường phục vụ trong các ngành nghề đòi hỏi tay nghề cao và cả chất xám. Khổ nhất là nô lệ không học vấn, những nô lệ là người tự do bị kết án phải làm việc trong các khu mỏ kim loại hoặc mỏ đá, những nơi được cho là khét tiếng tàn bạo. Nô lệ làm việc ở mỏ không thể mua sự tự do của mình, họ sẽ sống và chết trong hầm mỏ. Một số nô lệ bị bắt làm võ sĩ giác đấu mua vui cho dân chúng tại các đấu trường.

Khi nói về bản chất của kiểu quan hệ nô lệ - chủ nô, Montesquieu cho rằng: *“Quan hệ nô lệ, nói đúng ra là biến một người thành sở hữu của một người khác làm ông chủ tuyệt đối cả cuộc đời và tài sản của anh ta. Như vậy là không tốt, chẳng ích gì cho ông chủ và cho người nô lệ. Anh nô lệ không thể làm điều gì theo đạo lý, còn ông chủ thì trút hết mọi tội xấu lên người nô lệ, mất hết đạo đức mà không tự biết, trở nên kiêu sa, láu táu, cứng nhắc, nóng nảy, tàn ác”* [4; tr.145]. Một nô lệ luôn mong muốn được sống một cách tự do, đó là quyền cơ bản đầu tiên của họ nhưng đã bị dập tắt trong chế độ chiếm hữu nô lệ. Hình thức nô lệ dân sự này thể hiện tính chất điển hình của chế độ nô lệ ở Rome.

Vào các thời kỳ trước đó, nô lệ được xem như “con vật biết nói”, chịu sự đối xử hà khắc, bắt công. Các cuộc nổi dậy mạnh mẽ thời Cộng hòa làm xáo trộn sự ổn định của Rome đã thay đổi cách nhìn nhận về sự ngăn chặn “các kẻ thù từ bên trong” vào thời sơ kỳ Đế chế. Hơn nữa, lãnh thổ Rome đã quá rộng lớn, trên cơ sở hiệp nhất các quốc gia, dân tộc ở châu Âu, châu Á, và châu Phi dưới bộ máy nhà nước và luật pháp chung. Các hoàng đế tập trung vào việc nội trị hơn là tiến hành các cuộc chiến tranh mở rộng ra bên ngoài làm thiếu hụt lớn lượng nô lệ có nguồn gốc là tù binh, vốn chiếm tỷ lệ cao trong thành phần nô lệ. Chế độ nô lệ vì thế đã có sự thay đổi, cải biến phù hợp với hoàn cảnh mới. Nhà sử học Edward Gibbon đã có những bình giải lớn về sự thay đổi chính sách đối với nô lệ trong thời sơ kỳ Đế chế: *“Trong những gia đình đông đúc của họ, và đặc biệt là trong những điền trang thôn quê, họ khuyến khích những cuộc hôn nhân với những người nô lệ. Những cảm thức tự nhiên, những tập quán nhờ giáo dục, và việc sở hữu một hình thức độc lập về tài sản đã góp phần làm giảm nhẹ đi những căng thẳng của tình cảnh nô lệ”* [7; tr.49]. Sự thay đổi này là một bước ngoặt lớn về cách nhìn nhận, đánh giá vai trò, vị trí nô lệ như một lực lượng lao động có giá trị trong xã hội.

## 2. NHỮNG THAY ĐỔI VỀ PHÁP LÝ VÀ VỊ TRÍ XÃ HỘI CỦA NÔ LỆ TỪ THẾ KỶ I - III

Vào giai đoạn đầu thời Pax Romana, một số hoàng đế bắt đầu trao nhiều quyền hơn cho nô lệ. Hoàng đế Claudius tuyên bố rằng nếu một nô lệ bị chủ nhân bỏ rơi, anh ta sẽ được tự do. Nero đã trao cho nô lệ quyền khiếu nại chống lại chủ nhân của họ tại

một tòa án. Và dưới thời Antoninus Pius, một người giết một nô lệ mà không có lý do chính đáng có thể bị xét xử vì tội giết người. Nhờ vào đức độ và chính sách của một số hoàng đế nên cách cư xử với nô lệ có thêm những bước tiến. Những sắc lệnh của hoàng đế Hadrian, Antonine... sự bảo hộ của pháp luật được áp dụng cho những con người khốn cùng nhất. Cụ thể, trước đây, quyền phán quyết liên quan đến vấn đề sinh tử của người nô lệ thường bị lạm dụng và những người chủ có quyền quyết định cuối cùng. Sắc lệnh này đã trao quyền cho các quan tòa. Những nhà tù bí mật bị hủy bỏ và trong trường hợp khi có một khiếu nại đủ bằng chứng về cách đối xử thậm tệ, người nô lệ sẽ được giải thoát hoặc được chuyển giao cho một người chủ ít tàn bạo hơn.

Bảo vệ pháp lý đối với nô lệ tiếp tục có những thay đổi lớn đến mức cho phép nô lệ lên tiếng về sự đối xử tàn nhẫn hoặc không công bằng của chủ nô. Thái độ thay đổi một phần do ảnh hưởng của giới tinh hoa có học thức, của chủ nghĩa khắc kỷ và quan điểm con người bình đẳng và mở rộng sang cả nô lệ. Tiêu biểu, một cựu nô lệ và là triết gia có ảnh hưởng nhất là Epictetus (55 - 135), đã đề xuất các tư tưởng của mình. Ông đã chỉ dạy rằng con người có thể đạt được tự do bằng cách làm chủ những dục vọng của mình và vun xới sự thanh thản của tâm hồn. *"Epictetus kêu gọi tình huynh đệ giữa người với người, hợp nhất với tự nhiên và ý thượng đế. Và sự xuất phát từ ngoại giới là nguyên nhân của đau khổ. Con người phải giải phóng khỏi những ràng buộc vật chất, danh vọng, địa vị"* [3; tr.178-179]. Ông chủ trương muốn tìm được hạnh phúc phải thuận theo tự nhiên, thân nhiên chấp nhận cái được và mất. Những tư tưởng khắc kỷ này đã tác động đến một số vị hoàng đế, mà đại diện là Aurelius, từ đó cách nhìn về quan hệ nô lệ, quyền của người nô lệ dần được cởi mở hơn.

Dưới chế độ Pricipate, tự do của nô lệ sẽ được hoàng đế ban cho. Nô lệ công cộng có thể được giải phóng bởi các hội đồng của khu vực họ cư trú. Đặc biệt, Rome cho phép những người nô lệ được giải phóng trở thành công dân được hưởng tự do, quyền sở hữu và tự do chính trị, bao gồm cả quyền bầu cử. Những người nô lệ được giải phóng tạo thành một tầng lớp xã hội gọi là Libertini. Tầng lớp này không được tham gia vào bộ máy nhà nước.

Thế kỷ II chứng kiến những đổi thay lớn và nô lệ được dự báo là "đám mây đen lo lừng trên bầu trời Rome" vì rằng: *"Một nền kinh tế được xây dựng dựa trên sức lao động của nô lệ sẽ dễ bị tổn thương theo hai hướng. Một là sự có sẵn lao động cưỡng bức ngăn cản cuộc cách mạng kỹ nghệ, Thứ hai, thậm chí còn nguy kịch hơn, nô lệ không sinh sôi nảy nở"* [1; tr.48]. Việc nô lệ sụt giảm dẫn đến thiếu hụt lao động, nhất là lao động trong nông nghiệp.

Trong tình hình đó, Rome cũng phải đối mặt với một hoàn cảnh kinh tế - xã hội mới. Đầu tiên, kỹ thuật trồng trọt nông nghiệp là một trong những thành tựu nổi bật của nền văn minh Rome. Những kết quả to lớn từ sản lượng nông nghiệp, chất lượng nông sản có đóng góp quan trọng trong nền kinh tế cũng như cục diện ổn định của

Rome thời kỳ này phụ thuộc nhiều vào phương thức canh tác và vấn đề phát triển kỹ thuật. Rome đồng thời đã sản sinh các nhà nông học trong thời này đó là Porcius Cato, M. Terentius Varro, L. J. Moderatus Columella. Columella là người gốc Tây Ban Nha. Sự trải nghiệm trong nghiên cứu nông học, chăn nuôi giúp ông có nhiều phát kiến mới. Công trình nông học "*Bàn về nông nghiệp*" dày dặn với 12 cuốn, đề cập nhiều đến kinh nghiệm sản xuất, quản lý trong nông nghiệp, chăn nuôi là đóng góp lớn về mặt khoa học cho lĩnh vực này [5; tr.499]. Một trong những luận điểm quan trọng của Columella là phê phán hình thức sử dụng nô lệ trong canh tác nông nghiệp. Ông cho rằng: "*Đem ruộng đất giao cho nô lệ canh tác là điều không thích nghi nhất. Việc làm đó cũng giống như giao ruộng đất cho đao phủ để hành hình*" [5; tr.450]. Sự công kích này đã giúp những nhà quản lý Rome ý thức đến việc thay đổi, nhất là lý thuyết nông học của Columella gần như công kích vào chế độ chiếm nô của Rome và việc sử dụng lao động nô lệ trong nông nghiệp như của Carton<sup>1</sup> cách đó 3 thế kỷ. Tư tưởng nông học cấp tiến thời này là một nhân tố góp phần thúc đẩy sự ra đời của chế độ lệ nông. Các điền trang ở châu Âu về sau đã học hỏi nhiều về mặt quản lý nông trại từ lý luận của Columella.

Trong toàn lãnh thổ Rome, nhiều ứng dụng cải tiến công cụ lao động nông nghiệp được phổ biến. Loại cày có bánh xe ở Hy Lạp, công cụ cắt lúa là liềm cong ở Gallia... phần nào tăng được năng suất lao động. Mạng lưới kênh mương để tưới tiêu ở Ai Cập được cải tiến, mở rộng và là vựa lúa cung cấp lương thực cho Rome. Tương tự, Panonia, Mioesia ở bờ sông Dabube cũng đóng góp nguồn lương thực dồi dào. Nho, oliu ở Gallia, Tây Ban Nha, các đảo trên biển Aegean.

Trong bối cảnh đó, một số nghiên cứu cho rằng xã hội nô lệ và lao động nô lệ chỉ tương ứng với thành Rome và vùng phụ cận Italy. Còn sự tuyên bố rằng toàn bộ nền kinh tế dựa trên chế độ nô lệ, phải được chứng thực cho các tỉnh khác để trung bình cho toàn bộ đế quốc đạt 50% lao động nô lệ. Tuy nhiên, các tỉnh lại không đạt

---

<sup>1</sup> Trong khi đó Carton (234 -149 TCN), lại là nhà tư tưởng bảo vệ cho nền kinh tế chiếm hữu nô lệ đó. Trong tác phẩm "*Nghề trồng trọt*" của mình, ông đề nghị "Tiêu dùng ít, dành dụm nhiều". Carton coi lợi nhuận chính là số dư thừa ngoài giá trị mà giá trị được ông hiểu là những chi phí sản xuất. Chẳng hạn, trong việc sử dụng công nhân tự do, Carton cho rằng tất cả "giá trị là các chi phí về vật tư và tiền trả cho công thợ". Vì vậy, để có được lợi nhuận cao ông khuyên hãy "yên tâm chờ đợi giá cao". Tuy nhiên, Carton là kẻ thù của việc sử dụng lao động làm thuê. Ông mong muốn bảo đảm nguồn thu nhập nhờ các nô lệ, ông chú ý nhiều đến việc tổ chức lao động của nô lệ. Carton yêu cầu phải có điểm giới hạn khả năng kéo dài ngày làm việc của nô lệ. Căn cứ vào môi trường làm việc của nô lệ, Carton đề nghị duy trì những cuộc cãi cọ giữa nô lệ với nhau, bắt nô lệ làm việc khổ ải hơn gia súc. Chẳng hạn, trong những ngày lễ, bò đực có thể nghỉ ngơi còn nô lệ vẫn phải làm việc. Bò đực ốm cần phải chữa chạy, còn nô lệ vẫn phải được bán tống đi giống như "chiếc xe ngựa cổ lỗ". Tư tưởng cực đoan, cổ hủ của Carton về sử dụng lao động nô lệ trong nông nghiệp về sau bị hạn chế nhiều do thực tế là lao động của nô lệ trong các ngành trồng trọt không đem lại hiệu quả cao. Vì thế lý thuyết nông học của ông không được đánh giá cao.

được con số tỷ lệ lao động như ở Rome. Ví dụ, theo điều tra dân số từ Ai Cập cho thấy rằng nô lệ ở Ai Cập chiếm khoảng 10% dân số.

Một ước tính khác cho rằng trong Đế quốc Rome chỉ có 10-15 % dân số là lao động nô lệ. Thời thịnh vượng nhất khoảng một phần tư dân số của Rome và khoảng một phần mười số đó ở các tỉnh là nô lệ. Cuối cùng giá trị của 1/8 (tức 12.5%) sẽ được quy cho tổng thể tỷ lệ nô lệ so với tổng dân số trong Đế quốc. Do đó một số quan điểm cho rằng kinh tế Rome khó có thể dựa trên lao động nô lệ, chỉ chiếm là 12,5% so với tổng dân số. Họ gọi đây là một nền kinh tế cung ứng (subsistence economy) và người ta cho rằng có gì đó không đúng với đánh giá này. Nền kinh tế không thể là một nền kinh tế cung ứng nếu chỉ có tối đa 25% lực lượng lao động làm việc cho 75% còn lại và tạo ra sự giàu có như đã được chứng minh [13; tr.212]. Nhiều quan điểm nghiên cứu khác đồng ý là lao động tự do, là hình thức lao động chủ yếu và nền kinh tế của Đế quốc Rome dựa trên lao động tự do<sup>2</sup>. Tuy nhiên, theo chúng tôi đây chỉ là những quan điểm còn thiếu những căn cứ và bằng chứng thuyết phục.

Có thể nói, với vai trò quan trọng của nô lệ trong kinh tế, xã hội Rome, chế độ nô lệ của Rome là một kiểu điển hình nhất trong hình thái xã hội chiếm hữu nô lệ.

### 3. CHẾ ĐỘ LỆ NÔNG VÀ LATIFUNDIA

#### 3.1. Chế độ lệ nông hình thành và phát triển

Từ đầu thời kỳ chế độ Principate, chế độ nô lệ có sự thay đổi lớn, cách nhìn nhận về nô lệ cởi mở hơn. Các chủ nô ở Rome đã thay đổi cách bóc lột. Họ đem một phần ruộng đất, các cơ sở kinh tế giao cho nô lệ kinh doanh để thu một phần lợi

---

<sup>2</sup>Điều này tương đồng với nền kinh tế Mỹ trong thế kỷ XIX. Vào năm 1860, theo điều tra dân số, tỷ lệ nô lệ đã chiếm gần một phần ba ở các bang phía Nam, nhưng nếu cộng toàn bộ dân số Mỹ, tỷ lệ sẽ là một phần tám (12.5%), tương đương với Đế quốc Rome. Như vậy, chế độ nô lệ và phương thức sản xuất của nó tích hợp vào các mô hình nhà nước theo mỗi cách riêng.

K.Marx đã đặt vấn đề về việc gọi các chủ đồn điền ở Mỹ thế kỷ XIX có phải các nhà tư bản và kết luận họ là những nhà tư bản, căn cứ trên sự tồn tại của họ như là sự bất thường trong một thị trường thế giới dựa trên lao động tự do. Một chế độ sản xuất được cho là cùng tồn tại với lực lượng chủ đạo chiếm ưu thế. Thị trường thứ cấp như chế độ nô lệ trong trường hợp chủ nghĩa tư bản Mỹ là bị chi phối bởi chế độ chính trị nhưng được tích hợp vào chế độ này. Khi đó lao động được sử dụng, cũng như nô lệ người Mỹ, để sản xuất cho một thị trường tư bản. Chế độ nô lệ không phải là điểm của cạnh tranh cho sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản. Lý do tại sao chủ nghĩa tư bản có thể cùng tồn tại với chế độ nô lệ đã được Marx chứng minh. Nếu các trạng thái lao động nô lệ của Mỹ, nơi tỷ lệ được tìm thấy là 1/3, là vẫn được coi là trạng thái tư bản, thì tỷ lệ 1/8 cho Đế quốc Rome cũng sẽ diễn ra tương tự. Tuy nhiên, chế độ nô lệ ở Rome đã được giải thích chi tiết để thể hiện tầm quan trọng kinh tế và chứng minh tại sao nó không chỉ khác với chế độ nô lệ của Mỹ, mà lại rất giống với lao động tự do.

nhuận. Nhiều nô lệ được giải phóng và họ thành người làm thuê trên mảnh đất của chủ nô cũ. Mặt khác, các chủ ruộng đất lớn cũng chia nhỏ ruộng ra và phát canh cho những người không có ruộng đất cày cấy như nô lệ mới được giải phóng, nông dân nghèo, cư dân các man tộc... Những người được phân ruộng làm thuê này gọi chung là lệ nông (coloni). Nguyên nghĩa coloni nghĩa là người nông dân tự canh tác hay những di dân canh tác ở những vùng đất bị Rome chiếm làm thuộc địa. Và thực tế là họ đem sức của chính mình để canh tác trên mảnh đất được chia đó. Lệ nông so với nô lệ được chút ít tự do và có tinh thần tự nguyện sản xuất hơn. Và việc phát canh theo hình thức mới cho những đối tượng xã hội mới ở nông thôn được gọi chung là chế độ lệ nông (colonat) điển hình của thời kỳ quân chủ. Những lệ nông này buộc phải gắn chặt vào ruộng đất và đem lại nhiều lợi ích lớn cho các đại điền chủ. Lối bóc lột mới này vừa có lợi cho chủ, vừa có lợi cho người sản xuất, vừa kích thích hứng thú và khả năng lao động của họ để tạo ra năng suất lao động cao.

Lý giải cho sự ra đời trực tiếp của hình thức sản xuất mới này trong thế kỷ I, nhiều sử gia cho rằng do các đại điền chủ không thể tự mình đi hết phần đất đai của điền trang (Latifundia) rộng lớn mà họ sở hữu nên buộc phải giao cho tầng lớp lệ nông trực tiếp trồng trọt trên các mảnh ruộng, chủ yếu là ruộng trồng lương thực hay trồng các cây nông nghiệp ngắn ngày. Trong thời kỳ này, các chủ đất không còn tin tưởng những người quản lý nô lệ như trước và dù gì thì sự thu hoa lợi từ đất trồng lương thực vẫn an toàn hơn so với các loại hình nông nghiệp khác.

Lúc đầu lệ nông là người tự do, có một số vẫn có quyền công dân, thân phận của họ không phải suốt đời và tất nhiên không phải cha truyền con nối như nô lệ. Thậm chí ở một vài trường hợp đặc biệt, họ có thể đảm nhận những chức vụ tôn giáo hoặc là thành viên của các hội đồng địa phương.

Mối quan hệ chủ đất - lệ nông chỉ là quan hệ về kinh tế. Họ chỉ có một nghĩa vụ là phải nộp địa tô cho chủ ruộng đất bằng tiền hoặc bằng sản phẩm. Mức thu địa tô lúc đầu bằng 1/3 thu hoạch. Lệ nông phân biệt với nô lệ ở chỗ họ không phải đeo xiềng khi lao động.

Về sau, cùng với sự phát triển của chế độ lệ nông, địa vị của lệ nông ngày càng thấp kém. Hết thời kỳ Pax Romana, thân phận của lệ nông không còn tự do nữa, phải cha truyền con nối và bị gắn chặt vào ruộng đất. Mức địa tô phải nộp cao hơn trước kia nhiều. Họ không được kết hôn với những phụ nữ có địa vị tự do<sup>3</sup>.

Có thể khẳng định, chế độ lệ nông được hình thành từ những nguyên nhân sâu xa như: do sự bóc lột tàn khốc của giai cấp chủ nô đối với nô lệ dẫn đến nhiều cuộc

---

<sup>3</sup>Kiểu hôn nhân của họ được pháp luật của Rome quy định không khác kiểu Contubernium, là một cuộc hôn nhân nô lệ. Cuộc hôn nhân giữa những lệ nông với nhau vì thế không được xem là hợp lệ. Chúng phụ thuộc vào ý chí của những người chủ.

khởi nghĩa đổ máu; do chế độ nô lệ kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội, năng suất thấp kém của lao động nô lệ buộc giai cấp chủ nô phải thay đổi hình thức sản xuất; do nguồn cung cấp nô lệ chiến tù ngày càng ít đi dẫn đến phát sinh những vấn đề mới trong nền kinh tế của Đế quốc Rome.

Chế độ lệ nông phát triển vào giai đoạn cuối của chế độ chiếm hữu nô lệ, là hình thức quá độ giữa chế độ nô lệ và chế độ nông nô. Đây là mầm mống sơ khai của hình thái kinh tế xã hội phong kiến khởi phát ở Tây Âu, dần dần thay thế cho hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ vào những thế kỷ sau này. Những người lệ nông chính là tiền thân của nông nô<sup>4</sup> thời trung đại.

### 3.2. Hình thức sản xuất Latifundia

Và nhắc đến kinh tế nông nghiệp phải kể đến nền kinh tế Latifundia. Theo tiếng Latin là Latifundium, gồm hai thành phần trong tiếng Latin là “latus” nghĩa là “rộng rãi” và “fundus”, nghĩa là “trang trại”. Latifundia<sup>5</sup> có thể hiểu là vùng đất rộng rãi, có hình thức trang trại theo nghĩa hiện đại và là một bất động sản nông nghiệp của chế độ chiếm hữu nô lệ Rome. Đây là những khu đất rộng lớn chuyên về nông nghiệp với các sản phẩm ngũ cốc, ô liu, nho ở các vùng lân cận như Rome, Magna Graecia, Sicily, bán đảo Iberia, Ai Cập và Tây Bắc châu Phi. Kinh tế Latifundia phụ thuộc rất lớn vào chế độ nô lệ, hay nói cách khác, Latifundia là sản phẩm của chế độ nô lệ trong nông nghiệp. Các nghiên cứu cho biết sở hữu các Latifundia đa phần thuộc tầng lớp địa chủ - chủ nô, cũng chính là thành viên của Viện Nguyên lão và có một số quy định ưu tiên họ không phải nộp thuế đất. Một số khác thuộc quyền sở hữu của giới quý tộc, tướng lĩnh. Quyền sở hữu đất đai chỉ là một trong nhiều điểm khác biệt khiến tầng lớp thượng lưu, quý tộc (aristocrats) tách biệt với tầng lớp thấp hơn. Họ được gọi là chủ sở

---

<sup>4</sup>Chúng ta cần phân biệt thêm với chế độ nông nô giai đoạn đầu của thời phong kiến Tây Âu sau này, với ba loại lực lượng lao động nông nghiệp chính là lệ nông, nông dân nửa tự do và nô lệ. Trong ba loại này, lệ nông là tầng lớp đông đảo nhất. Được nhận một phần đất do chủ giao cho, họ có nghĩa vụ phải nộp tô, nộp thuế thân, phải làm lao dịch và không được rời ruộng đất.

Nô lệ chia làm hai loại: loại thứ nhất gồm những đầy tớ làm các công việc hầu hạ trong nhà lãnh chúa và những người làm các nghề thủ công làm việc trong các xưởng của lãnh chúa. Họ bị coi là tài sản của chủ và có thể bị mua bán. Loại thứ hai là những nô lệ được cấp ruộng đất, họ phải nộp địa tô cho chủ và không được rời khỏi ruộng đất. Tuy vậy, sau khi nộp địa tô, số sản phẩm còn lại thuộc quyền sử dụng của họ. Thế là, về danh nghĩa, họ vẫn là nô lệ nhưng thực chất họ đã biến thành nông nô.

Còn nông dân nửa tự do là những người có địa vị cao hơn nô lệ, nhưng lại thấp hơn lệ nông. Họ cũng được giao cho một mảnh đất để canh tác và truyền mảnh đất ấy từ đời này sang đời khác. Cùng với sự phát triển của phương thức bóc lột phong kiến, sự khác biệt giữa ba loại lực lượng lao động nông nghiệp ấy ngày càng ít. Họ biến dần thành một tầng lớp có thân phận giống nhau, đó là tầng lớp nông nô.

<sup>5</sup> Thời bấy giờ quy định bất động sản này phải có diện tích trên 500 jugera, tức 125 ha.



hữu hay địa chủ - chủ nô. Một vấn đề nữa là vì kinh tế Rome cơ bản phụ thuộc vào nông nghiệp, và trong văn hóa thời bấy giờ đã đưa ra phạm trù người đàn ông tốt, đồng nghĩa với người đàn ông làm nông giỏi. Tầng lớp quý tộc địa chủ còn nhận ra việc sở hữu mảnh đất lớn đi kèm với việc biến nó thành vùng đất phát triển sản xuất có quy mô và năng suất, chất lượng nông phẩm.

Về việc quản lý Latifundia, có một hiện tượng là những người chủ Latifundia đa số sống ở thành thị và thường không có mặt tại các Latifundia. Các điền trang này được những người tự do quản lý và giám sát những nô lệ làm việc. Họ được gọi là vilicus, có nhiệm vụ là tuân theo chỉ dẫn của chủ sở hữu Latifundia, thay mặt quản lý các công việc sản xuất và nô lệ tại đó. Những người giám sát phải đảm bảo thực hiện đúng các mệnh lệnh của chủ sở hữu.

Latifundia là dạng sở hữu đất trồng của chủ nô, sử dụng sức lao động tập thể của nô lệ với phương thức sản xuất độc canh. Do vậy, muốn thiết lập Latifundia phải có 2 yếu tố: chế độ sở hữu ruộng đất lớn của tư nhân và có đầy đủ nô lệ. Trong Latifundia thường trồng các loại cây như nho, oliu, ngũ cốc và có luôn xưởng chế biến dầu oliu, ép và làm rượu nho. Các Latifundia ở Nam Italia - nơi có những đồng cỏ trù phú lại chủ yếu kinh doanh nghề chăn nuôi. Chế độ chiếm hữu nô lệ Rome phát triển mạnh mẽ gắn liền với sự hưng thịnh của các Latifundia.

Dưới thời Pax Romana, việc chiếm giữ công cộng đối với đất đai không được phổ biến. Đất đai theo luật chủ yếu thuộc về hai chủ sở hữu chính là dòng họ (gens) và gia đình (familia). Dòng họ là một nhóm người có quan hệ huyết thống cùng sống trên một phần của lãnh thổ và tạo thành một lực lượng chính trị và quyền sở hữu đất đai này mang tính chất tập thể. Còn gia đình gồm những người sống dưới cùng một mái nhà và có người đứng đầu gia đình (pater familias) và quyền sở hữu đất đai mang tính chất cá nhân. Các đại điền trang lớn thường do hai chủ sở hữu này nắm giữ.

Nền kinh tế của Latifundia mang tính chất hai mặt khá rõ rệt, vừa khép kín vừa có giao lưu buôn bán. Đó là nền kinh tế nông nghiệp trong khuôn khổ của nền kinh tế tự nhiên, cung cấp đầy đủ nhu cầu của điền trang (mang tính khép kín). Mặt khác, sản phẩm của nó lại gắn bó chặt chẽ với hoạt động thủ công nghiệp, thương mại trong khuôn khổ của nền kinh tế hàng hóa (mang tính mở rộng). Các sản phẩm do Latifundia sản xuất đã góp phần hình thành một phần của nền kinh tế thương mại, nhiều sản phẩm được xuất khẩu. Kinh tế nông nghiệp ở Rome thời kỳ này không hoàn toàn mang tính chất kinh tế tự nhiên, mà gắn liền với nền kinh tế thương nghiệp, với thị trường mang đặc điểm của nền kinh tế hàng hóa, tiền tệ cổ đại, sơ khai. Vì mỗi tỉnh, mỗi vùng có mặt hàng nông nghiệp khác nhau, nơi trồng ngũ cốc, nơi ô liu, nho hay gia súc nên cần có sự trao đổi, mua bán. Do đó giữa các tỉnh của đế chế phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế. Trong nhiều thế kỷ, rượu nho, dầu ôliu và nhiều sản phẩm nông nghiệp khác của Rome đã được đem bán rộng rãi khắp nơi trong đế quốc.

Vào thế kỷ thứ II, Latifundia đã thay thế nhiều trang trại vừa và nhỏ ở một số khu vực của Đế quốc. Kinh tế Latifundia đạt năng suất lao động cao. Nông dân không có đất đã chuyển đến thành thị. Một số nông dân tự do được thuê lại để làm công trên các khu đất, còn phần lớn đất đai chủ sở hữu trực tiếp quản lý, lao động chủ yếu là nô lệ. Nhà tự nhiên học cổ đại Pliny đã 6 lần nhắc đến Latifundia và ông cho biết: *“Sáu chủ sở hữu đã chiếm hữu một nửa tỉnh của Châu Phi vào thời điểm Hoàng đế Nero”* và đồng thời, ông cũng đưa ra dự báo: *“Latifundia đã hủy hoại Italia và sẽ sớm hủy hoại các tỉnh”* [10; tr.35].

Latifundia là một thể chế quan trọng trong nền kinh tế nông nghiệp. Về ý nghĩa lịch sử, Latifundia là dấu ấn lớn trong việc phát triển kinh tế nông nghiệp của Rome, góp phần tạo nên sự ổn định trong thời kỳ Cộng hòa và sự thịnh vượng thời kỳ Đế chế thời kỳ đầu. Những bất động sản khổng lồ này được tạo ra từ sự chinh phục, những chiến thắng của Rome sau nhiều cuộc chiến tranh mở rộng lãnh thổ Đế quốc và đồng thời tạo ra một tầng lớp địa chủ - chủ nô giàu có, nhiều đất đai. Có thể nói rằng kinh tế đại điền trang Latifundia là một sự tiếp nối của *“các tiên đề nông dân nông nghiệp đã in đậm bản sắc công dân La Mã trong suốt một thời kỳ dài”* [2; tr.107], là cơ sở cho nền kinh tế Rome cổ đại. Với những tiến bộ trong nông nghiệp, Latifundia tạo ra sự ổn định kinh tế, sinh lợi cho người chủ sở hữu, đáp ứng sự phân công lao động và quy mô kinh tế.

## KẾT LUẬN

Có thể nhận thấy trong tiến trình lịch sử đế quốc Rome, lực lượng lao động không còn thuần túy là nô lệ nữa, mà chuyển sang chế độ lệ nông, bao gồm cả nông dân tự do, người nghèo và nô lệ. Điều này đã tác động sâu sắc đến lực lượng sản xuất, đẩy nhanh quá trình sản xuất và tạo ra các thành quả kinh tế. Có thể nhận thấy rằng, từ thế kỷ I đến thế kỷ III, xu hướng chung về lực lượng lao động nông nghiệp là thay đổi từ hình thức nô lệ sang hình thức cày thuê. Sự chuyển biến ngay trong lực lượng sản xuất dù còn chậm chạp, chưa toàn diện nhưng là dấu hiệu mới của một hình thái sản xuất mới, phù hợp với sức sản xuất và nhu cầu của xã hội.

Nền kinh tế Đế quốc Rome từ phụ thuộc vào chế độ nô lệ (slavery) trong các thời kỳ trước đó đã dần trở nên ít bị phụ thuộc hơn. Thay vào đó, một số lượng lao động tự do có vai trò quan trọng trong nền kinh tế, dù rằng xã hội nô lệ vẫn tồn tại. Các nhà nghiên cứu cho rằng, nếu nền kinh tế là dựa trên nô lệ thì lao động nô lệ sẽ phải chiếm hơn 50% lực lượng lao động và con số khác là tỷ lệ 1/3 dân số thường được nhắc đến trong các số liệu nói về xã hội nô lệ như các thành bang Hy Lạp và cả Rome.

Nhà sử học Temin viết rằng: *“Ước tính rằng một phần tư hoặc ít hơn nô lệ vùng Italia sống ở Rome, trong khi phần còn lại sống ở các thành thị nhỏ và nông thôn - nơi họ ít hơn 1/3 lực lượng lao động ở nông thôn. Nếu những ước tính gần đúng, nô lệ không phải là lực*

*lượng lao động chiếm ưu thế trong thành thị hay vùng nông thôn của thời kỳ đầu của Đế quốc*" [12; tr.13].

Điều này cho thấy vai trò của nô lệ trong nền kinh tế có nhiều thay đổi và những chuyển biến đó đặt ra những tiền đề để chế độ phong kiến được hình thành trên lãnh thổ châu Âu sau này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Norman F. Cantor (2008), *Nền văn minh thế giới cổ đại*, bản dịch Kiến Văn và Khắc Vinh, Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội.
- [2]. Lương Văn Kế, Trần Đương (2004), *Phác thảo chân dung đời sống văn hóa Đức đương đại*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [3]. Mark Kishlansky (chủ biên), (2005), *Văn Minh phương Tây*, bản dịch Lê Thành, Nxb Văn hóa Thông tin, thành phố Hồ Chí Minh.
- [4]. Montesquieu (2004), *Bàn về tinh thần pháp luật*, bản dịch của Hoàng Thanh Đạm, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
- [5]. Thôi Liên Trọng (2002), *Lịch sử thế giới: tập 1 - thời cổ đại*, bản dịch Phong Đào, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
- [6]. Michael Gagarin (2010), *The Oxford Encyclopedia of Ancient Greece and Rome*, Oxford University Press. UK
- [7]. Edward Gibbon (2003), *The History of the Decline and Fall of the Roman Empire*, Modern Library, New York, USA.
- [8]. Kyle Harper (2011), *Slavery in the Late Roman World, AD 275 - 425*, Cambridge University Press, UK.
- [9]. W. V. Harris (2000), "Trade", *The Cambridge Ancient History: The High Empire A.D. 70–192*. 11, Cambridge University Press, UK.
- [10]. Pliny (1938), *Natural History*, Translated by H. Rackham (vols. 1-5, 9) and WHS Jones (vols. 6-8) and DE Eichholz (vol. 10), Harvard University Press, Massachusetts and William Heinemann, London, UK
- [11]. Walter Scheidel (2005). "Human Mobility in Roman Italy, II: The Slave Population", *Journal of Roman Studies* 95, Cambridge University, UK.
- [12]. Peter Temin (2004), "The Labor Market of the Early Roman Empire", *Journal of Interdisciplinary History*.
- [13]. Andrej Zgur (2007), *The economy of the Roman Empire in the first two centuries A.D.*, University of Aarhus, Denmark.

## SLAVERY AND COLONAT REGIME IN THE ROMAN EMPIRE'S HISTORY

**Le Vu Truong Giang**

Faculty of History, University of Sciences, Hue University

Email: lvtgiang@husc.edu.vn

### ABSTRACT

Rome's slavery attained its zenith in the 1st century, having a profound impact on the economy, society, and historical conditions. Land issues and the development of Latifundia in the 2nd and 3rd centuries were then analysed and recognised as the economic development power of Rome in the agricultural sector. Since then, the colonat regime was established, showing a social change compared to previous periods. This article focuses on a special feature of Rome's slave owning mode of production compared to other contemporary civilizations.

**Keywords:** Slavery, colonat, Roman Empire, Latifundia.



**Lê Vũ Trường Giang** sinh ngày 06/01/1988 tại Thừa Thiên Huế. Ông tốt nghiệp Cử nhân khoa học Lịch sử năm 2010 và nhận học vị Thạc sĩ Lịch sử năm 2013 tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2021, ông nhận học vị tiến sĩ ngành Lịch sử Thế giới, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Hiện nay ông công tác tại Trường Đại học khoa học, Đại học Huế.

*Lĩnh vực nghiên cứu:* Lịch sử thế giới cổ trung đại, lịch sử quân sự, quan hệ quốc tế, văn hóa học.